

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
của Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 12/GP-UBND ngày 11/01/2021 và Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 33/GP-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ngày 30/12/2021 của Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 119/TTr-STNMT ngày 26/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 12/GP-UBND ngày 11/01/2021 và Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 33/GP-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam;
 - Địa chỉ: Số 55 TT2, Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
 - Mã số thuế: 0108755366.

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: 03 giếng khoan khai thác nước dưới đất nằm trong khu đất của công ty tại thôn Phong Cốc, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Chỉ phục vụ sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và sản xuất của Nhà máy may xuất khẩu thuộc Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam, không thực hiện việc kinh doanh bán nước ra ngoài phạm vi công ty.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác:

- $G_1 = 70.000$ đồng/ m^3 (đối với nước dưới đất dùng cho sản xuất phi nông nghiệp);

- $G_2 = 5.000$ đồng/ m^3 (đối với nước dưới đất dùng cho làm mát, tạo hơi).

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

a) Theo Giấy phép số 12/GP-UBND ngày 11/01/2021:

- Sản lượng dùng cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân, tưới cây, rửa đường:

$$W_1 = 36,5 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} \times 386 \text{ (ngày)} \times 300/365 \text{ (ngày)} = 11.580 \text{ (m}^3\text{)};$$

- Sản lượng dùng cho làm mát, tạo hơi:

$$W_2 = 3,5 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} \times 386 \text{ (ngày)} \times 300/365 \text{ (ngày)} = 1.110 \text{ (m}^3\text{)};$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác nước tính từ ngày 11/01/2021 đến hết ngày 31/01/2022 (theo hiệu lực của Giấy phép số 12/GP-UBND ngày 11/01/2021) là 386 ngày; chế độ khai thác là 300/365 (ngày).

b) Theo Giấy phép số 33/GP-UBND ngày 27/01/2022:

- Sản lượng dùng cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân, tưới cây, rửa đường:

$$W_1 = 61 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} \times 1.825 \text{ (ngày)} \times 300/365 \text{ (ngày)} = 91.500 \text{ (m}^3\text{)};$$

- Sản lượng dùng cho tạo hơi:

$$W_2 = 9 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} \times 1.825 \text{ (ngày)} \times 300/365 \text{ (ngày)} = 13.500 \text{ (m}^3\text{)};$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác nước tính từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/01/2027 (theo hiệu lực của Giấy phép số 33/GP-UBND ngày 27/01/2022) là 1.825 ngày; chế độ khai thác là 300/365 (ngày).

6. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0 + 0,1) = 1,4$.

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $M_1 = 1,5\%$ (mức thu dùng cho hoạt động sản xuất phi nông nghiệp);

- $M_2 = 0,2\%$ (mức thu dùng cho làm mát, tạo hơi).

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

a) Theo Giấy phép số 12/GP-UBND ngày 11/01/2021:

$$T_1 = (W_1 \times G_1 \times K \times M_1) + (W_2 \times G_2 \times K \times M_2) = (11.580 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\%) + (1.110 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 0,2\%) = 17.038.146 \text{ đồng};$$

b) Theo Giấy phép số 33/GP-UBND ngày 27/01/2022:

$T_2 = (W_3 \times G_1 \times K \times M_1) + (W_4 \times G_2 \times K \times M_2) = (91.500 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\%) + (13.500 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 0,2\%) = 134.694.000 \text{ đồng};$

c) Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

$T = T_1 + T_2 = 151.732.146 \text{ đồng}$ (Một trăm năm mươi một triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng).

Trong đó, phân chia số tiền phải nộp từng năm như sau:

- Năm 2021 (tính từ ngày 11/01/2021 đến 31/12/2021) là: 15.670.000 đồng;
- Năm 2022: 26.019.000 đồng;
- Các năm tiếp theo (2023-2026): 26.939.000 đồng/năm;
- Năm cuối cùng 2027 (tính đến hết ngày 31/01/2027): 2.287.146 đồng.

9. Phương án nộp tiền: Nộp 1 lần/năm.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa.

11. Trường hợp có vướng mắc, Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước ngày 15/12); đồng thời, chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa:

- Ban hành thông báo đến Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (nếu có) và gửi Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành;

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12), tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; trường hợp chưa nhận được thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phải có trách nhiệm liên hệ với Cục thuế tỉnh Thanh Hóa để thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa để theo dõi;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai thác, sử dụng nước đúng mục đích; tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật;

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ, phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND huyện Thọ Xuân; UBND xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân; Chủ tịch UBND xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân; Giám đốc Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT (KTH.22.05193).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi